

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 05 – 6 – 2020
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia
đình ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Hồng Biên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Liệt

Ông Nguyễn Hoàng Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Xuân Nữ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2020 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Bích L, sinh năm 1987.

Địa chỉ cư trú: Ấp BĐ, xã BT, huyện TB, tỉnh ĐT.

- Bị đơn: Anh Trần Ngọc T, sinh năm 1983.

Địa chỉ cư trú: Ấp BĐ, xã BT, huyện TB, tỉnh ĐT.

Chị Lê Thị Bích L, anh Trần Ngọc T có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Lê Thị Bích L trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Bích L và anh Trần Ngọc T kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã BT, huyện TB, tỉnh ĐT vào ngày 02/6/2008. Hôn nhân giữa chị L và anh T được xây dựng trên cơ sở tự tìm hiểu.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó, phát sinh mâu thuẫn

do bất đồng quan điểm, không hòa hợp trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau, anh T không quan tâm đến vợ con, anh T thường xuyên đánh chị L. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2019 đến nay, khoảng thời gian sống ly thân vợ chồng có tìm cách hàn gắn tình cảm với nhau nhưng không thành.

Chị Lê Thị Bích L yêu cầu ly hôn với anh Trần Ngọc T.

Về con chung: Chị L và anh T có 02 con chung tên Trần Quốc H, sinh ngày 13/11/2009 và Trần Bảo L1, sinh ngày 24/01/2019. Hiện nay, cháu H, cháu L1 đang sống chung với chị L. Chị L yêu cầu tiếp tục nuôi 02 con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 02 con chung với mức cấp dưỡng hàng tháng cho mỗi con chung là $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở do Nhà nước quy định đến khi cháu H và cháu L1 thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Trần Ngọc T trình bày:

Về hôn nhân: Anh T thống nhất, anh T và chị L kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã BT, huyện TB, tỉnh ĐT vào ngày 02/6/2008. Hôn nhân giữa chị L và anh T được xây dựng trên cơ sở tự tìm hiểu.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó, phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hòa hợp trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2019 đến nay, khoảng thời gian sống ly thân vợ chồng có tìm cách hàn gắn tình cảm với nhau nhưng không thành.

Anh Trần Ngọc T đồng ý ly hôn với chị Lê Thị Bích L.

Về con chung: Anh T đồng ý để chị L nuôi con chung là Trần Quốc H, sinh ngày 13/11/2009, anh T không cấp dưỡng nuôi con. Anh T yêu cầu nuôi con chung tên Trần Bảo L1, sinh ngày 24/01/2019, anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn, bị đơn: Nguyên đơn và bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Bích L và anh Trần Ngọc T.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Bích L về việc chị L được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Trần Quốc H, sinh ngày 13/11/2009 và Trần Bảo L1, sinh ngày 24/01/2019 đến trưởng thành đủ 18 tuổi, đồng thời anh T phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Giấy chứng nhận kết hôn (Bản sao).
- Trích lục khai sinh của cháu Trần Quốc H, cháu Trần Bảo L1 (Bản sao).
- Đơn xác nhận nơi cư trú của người bị kiện (Bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Bích L và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Trần Ngọc T cư trú tại Ấp BĐ, xã BT, huyện TB, tỉnh ĐT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Bích L và anh Trần Ngọc T thống nhất thuận tình ly hôn.

Xét thấy, chị L và anh T kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Thanh, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hòa hợp trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau, anh T không quan tâm đến vợ con, anh T thường xuyên đánh chị L. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2019 đến nay, khoảng thời gian sống ly thân vợ chồng có tìm cách hàn gắn tình cảm với nhau nhưng không thành. Như vậy, có cơ sở xác định hôn nhân giữa chị L và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Mặt khác, việc thuận tình ly hôn giữa chị L và anh T không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội và phù hợp theo quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình nên được công nhận.

[2.2] Về con chung: Chị Lê Thị L yêu cầu tiếp tục nuôi 02 con chung tên Trần Quốc H, sinh ngày 13/11/2009 và Trần Bảo L1, sinh ngày 24/01/2019.

Xét thấy, chị L và anh T đều xác định, hiện nay chị L đang trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung. Ngoài ra, theo Bản khai ngày 19/01/2020, cháu H có nguyện vọng sống chung với chị L. Mặt khác, chị L cũng có tạo điều kiện cho cháu H theo học tại Trường tiểu học BT 2. Đối với cháu L1,

hiện nay, cháu L1 dưới 36 tháng tuổi nên giao cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, để tránh việc thay đổi môi trường sống, để đảm bảo cho cháu H và cháu L1 phát triển toàn diện cả vật chất lẫn tinh thần cần giao cháu H và cháu L1 cho chị L nuôi dưỡng. Cho nên, chị L yêu cầu nuôi Trần Quốc H, sinh ngày 13/11/2009 và Trần Bảo L1, sinh ngày 24/01/2019 là có căn cứ chấp nhận.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị L yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 02 con chung với mức cấp dưỡng hàng tháng cho mỗi con chung là $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở do Nhà nước quy định đến khi cháu H và cháu L1 thành niên và có khả năng lao động. Xét thấy, cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên. Do đó, chị L yêu cầu cấp anh T cấp dưỡng nuôi 02 con chung là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh T xác định là tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Xét ý kiến của anh Trần Ngọc T: Về hôn nhân: Anh Trần Ngọc T đồng ý ly hôn với chị Lê Thị Bích L; về con chung: Anh T đồng ý để chị L nuôi con chung là Trần Quốc H, sinh ngày 13/11/2009, anh T không cấp dưỡng nuôi con. Anh T yêu cầu nuôi con chung tên Trần Bảo L1, sinh ngày 24/01/2019, anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy như phân phân tích nêu trên, ý kiến của anh T là có căn cứ chấp nhận một phần.

[3] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Lê Thị Bích L phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Anh Trần Ngọc T phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Bích L.

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Bích L và anh Trần Ngọc T.

- Về con chung: Giao con chung tên Trần Quốc H, sinh ngày 13/11/2009 và Trần Bảo L1, sinh ngày 24/01/2019 cho chị Lê Thị Bích L trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị L và anh T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Buộc anh Trần Ngọc T cấp dưỡng nuôi 02 con chung tên Trần Quốc H, sinh ngày 13/11/2009 và Trần Bảo L1, sinh ngày 24/01/2019, với mức cấp dưỡng hàng tháng cho mỗi con chung là $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở do Nhà nước quy định từ tháng 6/2020 đến khi cháu H và cháu L1 thành niên và có khả năng lao động.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Lê Thị Bích L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: BH/2018/0008294 ngày 14/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình. Như vậy, chị Lê Thị Bích L đã nộp xong tiền án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Buộc anh Trần Ngọc T phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- UBND xã BT, huyện TB, tỉnh ĐT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Văn Hồng Biên